CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: 1721 /QĐ-CTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng thưởng Huân, Huy chương Kháng chiến

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 103 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng;

Xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số: 1427/TTr-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tặng thưởng:

- 03 Huân chương Kháng chiến hạng nhì;

- 78 Huân chương Kháng chiến hạng ba;

- 154 Huy chương Kháng chiến hạng nhất;

- 417 Huy chương Kháng chiến hạng nhì;

Cho 652 cá nhân thuộc tỉnh Thanh Hóa (có danh sách kèm theo).

Đã có thành tích trong cuộc Kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Doan

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Chủ nhiệm VPCTN;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT (02).

DANH SÁCH
CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC CHỦ TỊCH NƯỚC TẶNG THƯỞNG
HUÂN, HUY CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN

(Kèm theo Quyết định số: 1721 /QĐ - CTN ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Chủ tịch nước)

I. HUÂN CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN HẠNG NHÌ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Thâm niên xét thưởng			Ghi chú
					Năm	Tháng	Ngày	
1.	Ông Nguyễn Văn Toà	1941	Xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hoá, tỉnhThanh Hoá	Xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hoá, tỉnhThanh Hoá	17	8	22	
2.	Ông Hoàng Văn Diện	1945	Xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hoá, tỉnhThanh Hoá	Xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hoá, tỉnhThanh Hoá	17	7	16	
3.	Bà Trịnh Thị Tâm	1941	Xã Yên Lạc, huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	15	2	0	

II. HUÂN CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN HẠNG BA

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Thâm niên xét thưởng			Ghi chú
					Năm	Tháng	Ngày	
1.	Ông Lê Thế Nghĩa	1939	Xã Hà Lâm, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá	Khu phố 1, P. Bắc Sơn, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá	14	3	0	
2.	Ông Trần Hải Nhường	1942	Xã Hoằng Khánh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Thôn 6, xã Quang Trung, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá	11	6	0	
3.	Ông Lê Thành Công	1942	Xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Thôn 4, xã Quang Trung, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá	11	11	22,5	

4.	Ông Vũ Văn Sách	1948	Xã Hà Thanh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Thanh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	11	10	15	
5.	Ông Vũ Văn Vượng	1939	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	14	7	8	
6.	Ông Vũ Văn Trọng	1941	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	10	5	2	
7.	Ông Vũ Minh Trang	1936	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	10	3	23	
8.	Ông Hoàng Văn Lương	1947	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	12	7	25	
9.	Ông Vũ Văn Cậy	1948	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	11	9	8	
10.	Ông Đinh Văn Tổng	1946	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh hóa	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh hóa	15	8	0	KLĐ hạ 1 mức
11.	Ông Đặng Bá Đảng	1944	Xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	12	1	0	
12.	Ông Bùi Văn Thông	1943	xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	11	6	5	
13.	Ông Bùi Lam Sơn	1938	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	14	3	0	
14.	Ông Nguyễn Văn Đường	1940	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	12	3	15	
15.	Ông Trần Hùng Biếng	1946	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	12	0	0	
16.	Ông Phạm Viết Huân	1945	Xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	Xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	11	3	22	
17.	Ông Nguyễn Ngọc Kim	1949	Xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	Xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	12	4	0	
18.	Ông Thiều Quốc Việt	1952	Xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	Xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	10	0	0	

19.	Ông Nguyễn Minh Hồ	1945	Xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	10	5	0	
20.	Ông Vũ Minh Lâm	1950	Xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	13	6	0	
21.	Ông Nguyễn Đình Sỹ	1943	Xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	13	0	7	
22.	Ông Nguyễn Ái Suốt	1944	Xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	11	9	7	
23.	Ông Lê Tất Oanh	1940	Xã Yên Thọ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Yên Thọ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	11	2	0	
24.	Ông Vũ Minh Thảo	1943	Xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh hoá	Xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá	15	5	0	
25.	Ông Nguyễn Trọng Tú	1947	Xã Đông Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	12	10	15	
26.	Ông Lâm Ngọc Minh	1947	Xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Phường Nam Ngạn, tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh hóa	11	1	0	
27.	Ông Phùng Trọng Khét	1946	Xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	13	4	15	
28.	Bà Bùi Thị Thuận	1947	Xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	10	0	0	
29.	Ông Nguyễn Ngọc Tấn	1950	Xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	12	1	0	
30.	Ông Hoàng Văn Nhi	1947	Xã Hoằng Trinh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hoằng Trinh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	11	0	0	
31.	Ông Đỗ Xuân Chuông	1945	Thị trấn Tào Xuyên, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Tào Xuyên, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	11	6	0	
32.	Ông Lê Huy Đảng	1942	Xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	12	7	0	

33.	Ông Lê Quang Huy	1940	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	14	7	0	
34.	Ông Lê Văn Chép	1944	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	11	8	0	
35.	Ông Nguyễn Đình Khoan	1928	Xã Hoằng Minh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hoằng Minh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	16	8	10	
36.	Ông Hoàng Văn Luân	1918	Xã Tân Khang, huyện Nông Cống, tỉnhThanh Hóa	Xã Tân Khang, huyện Nông Cống, tỉnhThanh Hóa	14	1	0	
37.	Ông Viên Văn Sài	1946	Xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnhThanh Hóa	Xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnhThanh Hóa	13	8	25	
38.	Ông Lê Thế Duy	1943	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	14	9	22.5	
39.	Bà Bùi Thị Thi	1945	Xã Tân Khang, huyện Nông Cống, Thanh Hóa	Xã Tân Khang, huyện Nông Cống, Thanh Hóa	11	5	0	
40.	Ông Hồ Đình Thôn	1929	Xã Công Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Công Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	20	5	0	
41.	Ông Vũ Trường Tộ	1945	Xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	16	10	15	
42.	Ông Đỗ Chí Thạnh	1942	Xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Vạn Thắng , huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	15	3	0	
43.	Ông Lê Thành Các	1935	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	18	3	15	
44.	Ông Lê Nhữ Gần	1946	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	11	0	0	
45.	Ông Lê Xuân Huy	1940	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	10	11	0	
46.	Bà Lê Thị Sáu	1946	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	14	08	0	
47.	Ông: Nguyễn Đình Thọ	1943	Xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	13	9	0	Thương binh

48.	Ông: Nguyễn Xuân Tân	1948	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	11	9	28	
49.	Ông: Hoàng Văn Đạt	1944	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	11	5	0	
50.	Ông: Nguyễn Văn Cường	1946	Xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	10	5	23	
51.	Ông Lê Công Thợi	1934	Xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	12	1	15	
52.	Ông Lê Ngọc Chung	1945	Xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	13	9	0	
53.	Ông Nguyễn Đình Phượng	1948	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	11	9	0	
54.	Ông Nguyễn Đình Xanh	1919	Xã Thiệu Duy, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Duy, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	11	3	0	
55.	Ông Lê Bá Xuân	1945	Xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	11	4	0	
56.	Ông Vũ Xuân Sơn	1945	Xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	10	9	0	
57.	Ông Trần Mộng Lân	1943	Xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	11	5	15	
58.	Ông Lê Văn Trinh	1940	Xã Lọc Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Lọc Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	11	3	0	
59.	Ông Ngô Đức	1941	Xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	14	8	15	
60.	Ông Phạm Đức Hùng	1948	Xã Quảng Tâm, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Quảng Tâm, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	12	1	0	
61.	Ông Lê Đình Bền	1946	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	13	1	0	

62.	Ông Nguyễn Văn Thìn	1942	Xã Hùng Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hùng Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	14	0	0	
63.	Ông Phan Văn Tịch	1946	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	14	9	0	
64.	Ông Lê Ngọc Sử	1944	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	11	6	0	
65.	Ông Lê Công Đề	1945	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	10	9	15	
66.	Ông Lê Đăng Thuật	1943	Xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	12	3	0	
67.	Ông Hà Văn Thiên	1941	Xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	14	4	7,5	
68.	Ông Cầm Bá Tam	1945	Xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	14	11	0	
69.	Lữ Văn Nhân	1937	Xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	14	0	0	
70.	Ông Hà Xuân Tính	1935	Xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	14	11	0	
71.	Bà Lê Thị Vân	1941	Xã Phú Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	T hị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	12	11	0	
72.	Ông Lê Văn Hanh	1932	Xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	10	10	0	
73.	Ông Trương Tuấn Kiệt	1946	Xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	11	2	0	
74.	Ông Nguyễn Xuân Thành	1940	Xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	11	6	22,5	
75.	Ông Ngô Tiến Quy	1932	Xã Yên Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	10	4	0	
76.	Ông Lê Kim Bồi	1947	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	11	0	0	

77.	Ông Nguyễn Văn Trội	1948	Xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	12	6	0	
78.	Ông Cao Xuân Khoát	1932	Xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Tuy Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	12	10	0	

III. HUY CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN HẠNG NHẤT.

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Thâm niên xét thưởng			Ghi chú
					Năm	Tháng	Ngày	
1.	Ông Trần Đăng Ninh	1934	Xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá	Xã Quang Trung, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá	7	7	0	
2.	Ông Phạm Đức Bảo	1940	Xã Nam Hùng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Phường Ngọc Trạo, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá	9	8	0	
3.	Ông Lê Thanh Hoài	1950	Xã Liêm Chính, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Phường Đông Sơn, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá	7	10	15	
4.	Bà Nguyễn Thị Tất	1949	Xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá	Thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá	7	3	0	
5.	Ông Lê Văn Sắc	1948	Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá	9	6	15	
6.	Ông Lê Văn Lưu	1934	Thị trấn Nhồi, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Nhồi, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	9	8	0	
7.	Bà Lê Thị Hồng Thắm	1949	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7	6	0	
8.	Ông Nguyễn Thọ Thiết	1950	Xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8	10	0	
9.	Ông Lê Đình Phổ	1948	Xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	9	8	0	
10.	Ông Trần Văn Huấn	1943	Xã Hà Yên, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Yên, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	9	2	0	Thương binh

11.	Bà Nguyễn Thị Dung	1949	Xã Hoằng Xuyên, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	8	9	0	
12.	Ông Lê Chí Thiện	1951	Xã Hoằng Đạo, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	7	11	15	
13.	Ông Mai Văn Xô	1944	Xã Hà Thanh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Thanh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	8	11	22,5	
14.	Ông Nguyễn Hồng Khuê	1949	Xã Đại Hưng, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	Xã Hà Lai, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	7	9	0	
15.	Ông Lê Xuân Định	1946	Xã Hà Lai, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Lai, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	07	07	0	
16.	Ông Vũ Minh Tành	1949	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	7	6	8	
17.	Ông Trịnh Văn Hảo	1945	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	7	7	8	
18.	Ông Trần Văn Lâm	1944	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	8	11	15	
19.	Ông Vũ Đức Tính	1945	Xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	7	4	22,5	
20.	Ông Phạm Duy Nhất	1945	Xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	9	7	0	
21.	Bà Cao Thị Quyên	1945	Xã Thất Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Hưng	Xã Hà Lâm, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	8	3	6	
22.	Ông Hoàng Văn Nhân	1945	Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	9	9	15	
23.	Bà Đỗ Thị Thanh	1952	Xã Yên Thái, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7	5	0	
24.	Ông Nguyễn Minh Phê	1950	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7	10	7.5	
25.	Ông Trương Xuân Nguyên	1950	Xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7	4	0	

26.	Ông Mai Xuân Trường	1950	Xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	9	7	0	
27.	Ông Nguyễn Văn Bút	1937	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	9	4	0	
28.	Ông Trần Văn Châu	1947	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	9	7	0	
29.	Ông Trương Công Khanh	1948	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8	7	0	
30.	Ông Hòa Văn Cách	1947	Xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	9	6	0	
31.	Ông Phạm Văn Cảnh	1947	xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	9	3	2	
32.	Ông: Cao Văn Thống	1950	xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	9	11	0	
33.	Ông Lê Cẩm Hoa	1932	Xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8	10	0	
34.	Bà Lê Thị Yến	1949	Xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	7	9	0	
35.	Bà Nguyễn Thị Hà	1950	Xã Thọ Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8	7	0	
36.	Bà Bùi Thị Dung	1941	Xã Phú Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8	4	0	
37.	Ông Lê Viết Thành	1944	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8	7	0	
38.	Bà Nguyễn Thị Chúc	1950	Xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	7	11	0	
39.	Ông Lê Văn Mơn	1935	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	9	3	0	

40.	Ông Trần Văn Thiện	1919	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, Thanh hóa	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, Thanh hóa	8	3	0	
41.	Ông Nguyễn Văn Tần	1942	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, Thanh hóa	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, Thanh hóa	9	9	0	
42.	Ông Hoàng Đình Túc	1937	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	8	10	0	
43.	Ông Lê Ngọc Xum	1946	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	7	6	0	
44.	Ông Đỗ Ngọc Hoán	1951	Xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	9	0	Thương binh
45.	Ông Trịnh Đình Tuất	1945	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	9	8	0	
46.	Ông Lê Anh Gần	1946	Xã Yên Trường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	Xã Yên Trường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	7	6	0	
47.	Ông Lê Công Hợi	1947	Xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	7	11	0	
48.	Ông Trịnh Văn Ngọc	1946	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	8	6	0	
49.	Ông Hách Văn Độ	1951	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	8	5	0	
50.	Ông Trịnh Ngọc Chinh	1950	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	7	11	0	
51.	Ông Ngô Văn Bảo	1943	Xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	Xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	9	3	0	
52.	Ông Trần Văn Thám	1947	Xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá	Xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	8	11	15	
53.	Ông Phạm Minh Tiến	1949	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	8	10	0	

	Ông Trịnh Văn Có	1946	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	9	11	0	
55.	Ông Phạm Văn Tá	1950	Xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá	Xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá	10	3	0	KL đảng hạ mức khen
56.	Ông Lê Ngọc Tuấn	1948	Xã Đông Anh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	9	1	0	
57.	Ông Hoàng Long	1946	Xã Trực Thanh, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	8	11	7	
58.	Bà Nguyễn Thị Toan	1951	Xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	7	8	15	
59.	Bà Lê Thị Căn	1949	Xã Hoằng Lý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	7	9	0	
60.	Ông Nguyễn Văn Kim	1948	Xã Phượng Lâu, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	8	10	7.5	
61.	Ông Trần Văn Đính	1942	Xã Thạch Việt, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	9	8	22.5	
62.	Ông Nguyễn Văn Việt	1949	Xã Hoằng Hợp, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	9	11	7	
63.	Bà Nguyễn Thị Thanh	1948	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	8	2	0	
64.	Ông Lê Đình Chúc	1950	Xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	7	9	0	
65.	Bà Đinh Thị Lĩnh	1949	Xã Ninh Vận, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình	Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	9	2	0	
66.	Ông Nguyễn Văn Hoành	1950	Xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Phường Hàm Rồng, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	9	4	0	
67.	Ông Hoàng Ngọc Lập	1945	Xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	9	0	15	
68.	Ông Nguyễn Ngọc Quang	1952	Xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Phường Lam Sơn, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	7	3	0	

69.	Bà Nguyễn Thị Ngọ	1945	Xã Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Tân Sơn, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	7	10	0	
70.	Bà Nguyễn Thị Nghĩa	1949	Phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Tân Sơn, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	7	5	0	
71.	Bà Đặng Thị Lương	1948	Xã Cộc Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Phường Lam Sơn, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	9	5	7	
72.	Bà Nguyễn Thị Hào	1950	Xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Phường Lam Sơn, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	8	4	0	
73.	Ông Hoàng Thế Linh	1946	Xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Phường Lam Sơn, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	8	7	5	
74.	Bà Phạm Thị Ánh	1949	Xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Phường Lam Sơn, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	9	4	0	
75.	Ông Lê Công Đức	1952	Tiểu Khu Minh Khai, thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thnanh Hóa	Phường Nam Ngạn, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	7	5	0	
76.	Ông Trịnh Đạo Hùng	1949	Xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Tân Sơn, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	7	7	7	
77.	Ông Lê Xuân Lai	1945	Xã Hoằng Phúc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Đông Sơn, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	7	9	0	
78.	Ông Nguyễn Nam	1946	Xã Hoằng Xuyên, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Tân Sơn, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	7	1	0	
79.	Ông Nguyễn Đăng Giang	1949	Phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trường Thi, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	8	0	0	
80.	Bà Mai Thị Việt	1947	Xã Hà Ninh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Phường Hàm Rồng, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	9	10	15	
81.	Ông Lê Vinh Hạnh	1948	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Tân Sơn, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	9	0	0	
82.	Ông Nguyễn Văn Thân	1946	Xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Phường Đông Thọ, TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	9	10	22	
83.	Ông Lê Trọng Cần	1949	Xã Hoằng Phú, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hoằng Phú, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	7	6	0	

84.	Ông Nguyễn Anh Hải	1948	Xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	8	11	0	
85.	Ông Nguyễn Xuân Nông	1951	Xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	7	6	0	
86.	Ông Lương Thế Kỷ	1947	Xã Hoằng Thành, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã HoằngThành, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	8	11	0	
87.	Ông Nguyễn Đăng Bằng	1952	Xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Thị Trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	9	5	0	
88.	Ông Phạm Ngọc Kham	1943	Xã Hoằng Thanh huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá,	Phường Lam Sơn,TP phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hoá	9	2	0	
89.	Ông Bùi Khắc Dân	1951	Xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	9	9	0	
90.	Bà Lê Thị Thu	1954	Xã Hoằng Vinh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	TT Bút Sơn huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	9	8	0	
91.	Ông Lê Văn Đợt	1953	Xã Hoằng Tiến, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Tiến, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	7	6	0	
92.	Ông Nguyễn Hữu Nam	1948	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	8	9	0	
93.	Ông Nguyễn Văn Mạnh	1947	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	14	0	0	
94.	Ông Nguyễn Văn Báu	1950	Xã Vũ Lạc, huyện Vũ Thư. tỉnh Thái Bình	Xã Thăng Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	8	11	0	
95.	Bà Đỗ Thị Giao	1950	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	8	3	0	
96.	Ông Nguyễn Văn Liêm	1948	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	9	1	0	
97.	Ông Lê Văn Đông	1913	Xã Tân Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã TânThọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	9	0	0	
98.	Ông Đàm Tiến Độ	1942	Xã Tân Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã TânThọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	7	1	0	

99.	Bà Nguyễn Thị Lục	1935	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	9	11	28	
100.	Ông Lương Minh Đức	1947	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	8	9	0	
101.	Bà Lê Thị Trần	1942	Xã Tân Thọ, huyện Nông Cống, Thanh Hóa	Xã Tân Thọ, huyện Nông Cống, Thanh Hóa	8	6	0	
102.	Ông Nguyễn Thừa Bền	1942	Phường Bắc Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Bắc Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8	3	0	
103.	Ông Nguyễn Hữu Tốt	1949	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8	11	0	
104.	Ông Nguyễn Hữu Sửu	1949	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8	10	0	
105.	Ông Nguyễn Ngọc Toát	1941	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8	4	0	
106.	Ông: Đặng Đình Huệ	1944	Xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	9	3	0	
107.	Ông: Nguyễn Trọng Nhinh	1949	Xã Thiệu Lý, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Lý, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	9	0	22	
108.	Ông: Nguyễn Văn Quyết	1937	Xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	9	0	0	
109.	Ông: Lê Xuân Đợi	1946	Xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	10	4	0	
110.	Ông Lê Thế Nổ	1947	Xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	9	0	22	
111.	Ông Nguyễn Quang Phờng	1938	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	8	9	0	
112.	Ông Đàm Đình Vọng	1952	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	9	3	0	
113.	Ông Trịnh Xuân Tấn	1947	Xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	10	9	5	

114.	Bà Lê Thị Thanh	1948	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	8	6	0	
115.	Ông Lê Hữu Giản	1940	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	9	4	0	
116.	Ông Nguyễn Đình Nhật	1952	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	7	9	0	
117.	Ông Lưu Quang Dục	1950	Xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	7	11	0	
118.	Bà Bùi Thị Ân	1948	Xã Ninh Tiến, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	7	3	0	
119.	Bà Nguyễn Thị Trưng	1940	Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	9	0	0	
120.	Ông Nguyễn Hữu Cánh	1950	Xã Quảng Vọng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	9	5	0	
121.	Ông Lê Hùng Dũng	1948	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	7	7	0	
122.	Ông Lê Hồng Ngân	1947	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	8	11	15	
123.	Ông Trần Lê Vịnh	1949	Xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	8	11	15	
124.	Ông Vũ Năng Đồng	1950	Xã Hùng Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hùng Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	7	6	0	TG CDHCM
125.	Ông Bùi Văn Trung	1928	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	7	11	0	
126.	Bà Nguyễn Thị Ban	1948	Xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	8	3	0	
127.	Ông Hoàng Văn Toàn	1946	Liên Minh, Vụ Bản, tỉnh Hà Nam Ninh	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	9	5	0	

128.	Ông Trần Chí Thọ	1946	Xã Mỹ Lộc, huyện Mỹ Thuận, tỉnh Nam Định	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	9	6	0	
129.	Ông Lê Văn Đếnh	1945	Xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	10	7	0	Kỷ lật đảng hạ 1 mức khen
130.	Ông Nguyễn Đình Hòa	1944	Xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	12	6	0	Kỷ lật đảng hạ một mức khen
131.	Ông Cầm Bá Kim	1946	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	7	8	0	
132.	Trương Văn Pánh	1927	Xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8	0	0	
133.	Ông Lê Hồng Tích	1936	Xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	9	2	0	
134.	Ông Yên Văn Đạt	1932	Xã Thạch Long, huyện Thạch Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thạch Long, huyện Thạch Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	7	4	22,5	
135.	Ông Vũ Trọng Chóng	1942	Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	9	0	22	
136.	Ông Nguyễn Văn Tiếp	1947	Xã Minh Châu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	9	5	0	
137.	Ông Lê Sỹ Tước	1932	Xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	9	9	0	
138.	Ông Nguyễn Văn Hùng	1949	Xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	9	6	0	TB
139.	Ông Lê Đăng Giao	1937	Xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8	7	22	
140.	Ông Lê Công Chè	1942	Xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	9	9	15	
141.	Ông Phạm Văn Cuối	1943	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	9	9	0	

142.	Bà Lê Thị Dâu	1945	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8	3	0	
143.	Bà Nguyễn Thị Kế	1950	Xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7	0	7,5	
144.	Ông Lê Xuân Đông	1947	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8	2	22	
145.	Ông Lê Khắc Sơn	1942	Xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7	4	22	
146.	Ông Bùi Văn Đương	1950	Xã Xuân Du, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Du, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	9	2	0	
147.	Ông Trịnh Văn Hạc	1946	Xã Cao Dương, huyện Thanh Oai, Hà Nội	Xã Phú Nhuận, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	9	2	19	
148.	Ông Trần Văn Hà	1945	Xã Phú Nhuận, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	Xã Phú Nhuận, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	9	9	0	
149.	Ông Nguyễn Danh Phượng	1953	Xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	8	9	0	
150.	Ông Lê Mạnh Hùng	1945	Xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thanh Tân, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	9	10	0	
151.	Ông Nguyễn Văn Thanh	1949	Xã Đông Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Cán Khê, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	9	10	22	
152.	Ông Nguyễn Văn Cự	1947	Xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	7	11	0	
153.	Ông Vũ Huy Tĩnh	1946	Xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	9	10	0	TB
154.	Ông Trương Văn Khải	1948	Xã Lộc Sơn, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Lộc Sơn, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	7	11	0	

IV. HUY CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN HẠNG NHÌ.

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Thâm niên xét thưởng			Ghi chú
					Năm	Tháng	Ngày	
1.	Ông Trịnh Xuân Hạnh	1950	Xã Khánh Hoà, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Phường Đông Sơn, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá	5	6	0	
2.	Ông Đặng Anh Bạn	1951	Xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá	Xã Quang Trung, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá	5	2	0	
3.	Ông Nguyễn Văn Việt	1953	Xã Sen Chiểu, huyện Phú Thọ, thành phố Hà Nội	Phường Ba Đình, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá	6	0	0	
4.	Ông Mai Thế Tuấn	1954	Xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá	Phường Phú Sơn, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá	0	10	0	Thương binh
5.	Ông Nguyễn Ngọc Biên	1955	Xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Phường Phú Sơn, TX Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	0	2	0	Thương binh
6.	Ông Phạm Ngọc Tu	1954	Xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá	Phường Phú Sơn, TX Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	5	9	0	Thương binh
7.	Ông Lê Thái Sơn	1950	Xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh hoá	Phường Lam Sơn, TX Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	5	3	0	
8.	Ông Lê Xuân Bủng	1952	Xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Xã Quang Trung, TX Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	6	0	0	
9.	Bà Đỗ Thị Miều	1950	Xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Xã Quang Trung, TX Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	6	4	15	
10.	Ông Mai Xuân Thiều	1950	Xã Hà Châu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá	Phường Ba Đình, TX Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	5	0	0	
11.	Ông Đinh Xuân Hương	1956	Xã Hoằng Trinh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Phường Đông Sơn, TX Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	4	6	0	Thương binh
12.	Ông Nguyễn Hữu Đồng	1953	Xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Khu phố 7, P. Đông Sơn, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá	6	5	15	
13.	Ông Lê Văn Chúc	1953	Xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá	5	10	22	

14.	Bà Nguyễn Thị Hằng	1945	Xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	1	17	
15.	Ông Nguyễn Đức Đinh	1948	Xã Thành Tiến, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	4	0	
16.	Ông Phan Đình Toàn	1940	Xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá	6	8	0	
17.	Ông Lê Đình Hoà	1953	Xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá	5	5	0	TB hạng 3/4
18.	Ông Lê Trọng Trung	1954	Xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá	4	11	0	Châm chước
19.	Ông Nguyễn Đình Minh	1949	Xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	1	0	
20.	Ông Lê Lương Tạo	1949	Xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	6	0	
21.	Ông Lê Khắc Hưng	1952	Xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	4	0	
22.	Bà Nguyễn Thị Xinh	1945	Xã Thăng Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	7	0	
23.	Ông Lê Anh Thảo	1954	Xã Hà Vân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Vân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	3	0	0	Thương binh
24.	Ông Hoàng Văn Trung	1955	Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	4	15	0	Thương binh
25.	Ông Ngô Văn Nghị	1957	Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	4	15	0	Thương binh
26.	Ông Trịnh Quang Hòa	1954	Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	4	15	0	Thương binh

27.	Ông Hoàng Đình Ngọc	1956	Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	3	0	0	Thương binh
28.	Ông Lê Văn Thắng	1953	Xã Hà Phú, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Phú, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	5	3	0	
29.	Ông Tống Hùng Thế	1957	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Tiểu khu 5, Thị trấn Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	0	4	0	Thương binh
30.	Bà Hoàng Thị Thuận	1952	Xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	5	1	0	
31.	Ông Lại Thế Hữu	1952	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	1	1	22	Thương binh
32.	Ông Đỗ Văn Thuộc	1949	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	5	11	0	
33.	Ông Trịnh Văn Kính	1957	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	4	5	0	Thương binh
34.	Ông Nguyễn Văn Huân	1954	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	3	7	0	Thương binh
35.	Ông Trịnh Minh Quang	1957	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	3	12	0	Thương binh
36.	Ông Trịnh Xuân Lớp	1950	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	5	7	22	
37.	Ông Nguyễn Văn Trường	1939	Xã Hà Châu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Châu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	5	3	22,5	
38.	Ông Cao Viết Ngãi	1948	Xã Hà Lâm, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Lâm, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	5	4	2,5	
39.	Ông Nguyễn Công Uẩn	1952	Xã Hà Lâm, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Lâm, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	5	10	0	

40.	Ông Phạm Công Tiến	1949	Xã Kỳ Phương, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	6	2	18	
41.	Ông Vũ Ngọc Biên	1956	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	1	11	16	Thương binh
42.	Ông Tống Thanh Hiền	1948	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	5	3	23	
43.	Ông Nguyễn Văn Đức	1945	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	6	3	13	
44.	Ông Vũ Văn Chung	1948	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
45.	Ông Mai Ngọc Kính	1952	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	6	5	0	
46.	Ông Nguyễn Mạnh Phúc	1956	Xã Hà Phong, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Phong, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	0	2	0	Thương binh
47.	Ông Hoàng Văn Thế	1946	Xã Hà Phong, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Phong, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	5	2	15	
48.	Ông Đỗ Mạnh Thường	1957	Xã Hà Lai, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Phong, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	0	4	0	Thương binh
49.	Ông Vũ Văn Bình	1946	Xã Hà Lai, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Lai, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	6	3	22,5	
50.	Ông Mai Đức Noi	1949	Xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	5	3	22,5	
51.	Bà Lại Thị Thuyên	1949	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	5	8	0	
52.	Ông Mai Đức Thịnh	1949	Xã Hà Hải, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hà Hải, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	6	0	0	
53.	Bà Nguyễn Thị Huệ	1952	Xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	8	0	

54.	Ông Cao Viết Châu	1950	Xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	5	15	
55.	Bà Hoàng Thị Luận	1947	Xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	1	0	
56.	Bà Mai Thị Cải	1950	Xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	0	0	
57.	Bà Vũ Thị Phi Nga	1947	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	1	0	
58.	Ông Nghiêm Văn Cường	1948	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	0	15	
59.	Ông Mai Thế Tuy	1957	Xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1	5	0	Thương binh
60.	Ông Nghiêm Ngọc Lạc	1952	Xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	10	0	
61.	Ông Mai Anh Tam	1947	Xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	1	0	
62.	Bà Nguyễn Thị Phi	1947	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Văn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	1	7.5	
63.	Bà Mai Thị Thái	1948	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	1	0	
64.	Ông Mai Sỹ Minh	1954	Xã Nga Hải, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	4	0	
65.	Ông Phạm Văn Hiến	1954	Xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	3	9	0	Tg CD HCM
66.	Ông Trần Văn Huấn	1950	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7	3	22	
67.	Ông Phạm Song Hỷ	1947	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8	3	0	
68.	Ông Nguyễn Văn Hải	1948	Xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7	7	15	

69.	Bà Lê Thị Liêm	1950	Xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga Thắng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7	10	15	
70.	Bà Đậu Thị Lợi	1953	Xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7	8	0	
71.	Ông Nguyễn Gia Tịnh	1946	Xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	6	4	0	
72.	Ông Phạm Minh Lệ	1952	Xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	6	3	0	
73.	Ông Quách Văn Hiền	1957	Xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	0	3	0	Thương binh
74.	Ông Nguyễn Bá Kho	1950	Xã Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	3	10	0	Thương binh
75.	Ông Nguyễn Văn Sơn	1949	Xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	4	11	0	Châm chước
76.	Bà Lê Thị Cử	1950	Xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	5	8	0	
77.	Ông: Phạm Văn Tài	1950	xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa-	xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	7	6	0	
78.	Bà: Bùi Thị Hà	1950	Xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	5	6	0	
79.	Bà: Hoàng Thị Tâm	1952	xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	5	2	15	
80.	Ông: Phạm Văn Thường	1954	xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	1	4	0	Thương binh
81.	Ông: Phạm Công Ân	1952	xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	5	2	0	
82.	Ông Bùi Văn Chiên	1948	xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh thanh Hóa	5	6	25	Thương binh
83.	Ông Lê Đức Đối	1950	Xã Xuân Thọ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	10	0	

84.	Ông Lương Thiết Kế	1956	Xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	2	8	14	Tham gia CD HCM
85.	Bà Lê Thị Thuận	1950	Xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	
86.	Bà Đỗ Thị Én	1952	Xã Xuân Hưng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Hưng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	6	2	0	
87.	Ông Nguyễn Ngọc Oánh	1951	Xã An Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	3	8	0	Thương binh
88.	Ông Hà Đình Việt	1948	Xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
89.	Ông Phạm Văn Thanh	1946	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	2	0	Thương binh
90.	Ông Hoàng Thường Thức	1952	Xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	6	2	0	
91.	Ông Nguyễn Hữu Tuấn	1954	Xã Xuân Vinh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Vinh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	6	0	0	
92.	Ông Nguyễn Tất Hai	1947	Xã Xuân Vinh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Vinh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	6	5	0	
93.	Ông Lương Quốc Đạt	1942	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	4	11	20	Châm chước
94.	Ông Đỗ Văn Huấn	1932	Xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	5	0	
95.	Bà Lê Thị Hiền	1949	Xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	9	0	

96.	Ông Nguyễn Đình Thanh	1956	Xã Xuân Vinh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	0	3	0	Thương binh
97.	Ông Cao Văn Bình	1952	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	6	0	0	
98.	Ông Nguyễn Mậu Liên	1952	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	2	0	
99.	Ông Phạm Văn Bưởng	1952	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	3	22.5	
100.	Bà Đỗ Thị Thảo	1948	Xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
101.	Ông Đỗ Viết Phức	1952	Xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	7	5	0	
102.	Bà Hà Thị Thinh	1944	Xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	9	7	0	Kỷ luật Đảng hạ mức khen
103.	Ông Lê Văn Hương	1955	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	2	8	0	Thương binh
104.	Ông Nguyễn Duy Mạo	1956	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	0	11	0	Thương binh
105.	Ông Lê Văn Hiến	1950	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	4	11	0	Thương binh
106.	Ông Phạm Hữu Tuân	1953	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	5	3	0	Thương binh
107.	Ông Ngô Xuân Thủy	1955	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	0	8	0	Thương binh

108.	Ông Phạm Hữu Bảng	1952	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	3	2	0	Thương binh
109.	Ông Lê Thanh Hải	1946	Xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	6	10	0	
110.	Ông Bùi Văn Xuân	1953	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	5	4	0	Thương binh
111.	Ông Trịnh Công Hoan	1956	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	0	8	0	Thương binh
112.	Ông Đoàn Văn Hòa	1956	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	1	1	0	Thương binh
113.	Ông Hoàng Ngọc Quang	1950	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	4	0	0	Thương binh
114.	Ông Trịnh Ngọc Tứ	1950	Xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	5	3	0	
115.	Ông Nguyễn Đăng Dũng	1954	Xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	0	9	0	Thương Binh
116.	Bà Lê Thị Sang	1951	Xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	6	4	15	
117.	Ông Trịnh Hữu Toại	1952	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	4	0	0	Tg CD Hồ Chí Minh
118.	Ông Nguyễn Minh Tân	1956	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	0	8	0	Thương Binh 4/4
119.	Bà Lê Thị Chòn	1947	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	5	11	5	
120.	Ông Nguyễn Mạnh Hoàng	1952	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	6	9	0	Thương binh

121.	Ông Trịnh Xuân Luân	1952	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	2	8	14	Thương binh
122.	Ông Trịnh Bá Thành	1950	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	6	5	15	
123.	Bà Nguyễn Thị Công	1953	Xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	5	2	15	
124.	Ông Trịnh Ngọc Dưỡng	1951	Xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	6	7	15	
125.	Ông Lê Văn Thọ	1944	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	5	6	15	
126.	Ông Lưu Văn Tần	1944	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	6	6	22	
127.	Ông Trần Ngọc Vinh	1938	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	4	11	7,5	Châm chước
128.	Bà Hà Thị Liên	1950	Xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	
129.	Ông Hoàng Đình Thanh	1949	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	5	2	0	
130.	Bà Trịnh Thị Hòa	1950	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
131.	Ông Lưu Đăng Chúc	1955	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	0	3	0	Thương binh 4/4
132.	Ông Lê Khắc Thành	1953	Xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	3	10	0	Thương binh
133.	Ông Trịnh Ngọc Lan	1956	Xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	0	9	0	Thương binh
134.	Ông Trịnh Hữu Tuân	1952	Xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	6	6	0	

135.	Bà Bùi Thị Hạnh	1946	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	5	3	22	
136.	Ông Trịnh Văn Nhân	1945	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	5	10	0	
137.	Ông Lê Xuân Hào	1950	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	4	6	0	Thương binh 4/4
138.	Ông Cao Văn Khải	1954	Xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	4	10	0	TG CD HCM
139.	Ông Nguyễn Hữu Công	1952	Xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	
140.	Ông Trịnh Đình Lân	1950	Xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	6	3	0	
141.	Ông Trương Văn Giảng	1952	Xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	5	2	15	
142.	Ông Trịnh Văn Hạnh	1952	Xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	6	6	22	
143.	Ông Mai Văn Hoạt	1946	Xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	5	9	29,5	
144.	Bà Nguyễn Thị Thu	1950	Xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	5	4	0	
145.	Ông Trịnh Trung Hạnh	1940	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	5	2	15	Thương binh 4/4
146.	Ông Lê Văn Phong	1948	Xã Yên Hùng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	Xã Yên Hùng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	6	3	0	
147.	Ông Trịnh Đăng Diện	1947	Xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	Xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	5	11	7,5	
148.	Bà Trịnh Thị Đào	1951	Xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.	Đường 18. thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	7	5	0	
149.	Ông Khương Văn Thể	1947	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	6	10	0	

150.	Ông Vũ Văn Kiêm	1950	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	6	8	15	
151.	Ông Trịnh Ngọc Tài	1942	Xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	6	4	15	
152.	Ông Cung Phúc Xuân	1955	Huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	6	1	15	
153.	Ông Nguyễn Đức Hân	1952	Xã Hoằng Phú, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	6	0	
154.	Bà Nguyễn Thị Hà	1952	Xã Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	10	0	
155.	Bà Nguyễn Thị Hân	1950	Xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	0	0	
156.	Ông Trịnh Chí Niên	1952	Xã Bắc Lương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	0	15	Thương binh
157.	Bà Hoàng Thị Duyên	1953	Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	10	0	
158.	Bà Nguyễn Thị Oanh	1951	Xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	7	0	
159.	Ông Chung Văn Thiết	1953	Xã Lộc Sơn, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	10	15	
160.	Bà Lục Thị Gái	1952	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	7	15	
161.	Bà Trần Thị Xuyến	1950	Xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	3	0	
162.	Bà Mai Thị Hào	1952	Xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	5	15	
163.	Ông Đoàn Văn Kiểm	1953	Xã Hoằng Quỳ, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Cương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
164.	Ông Đỗ Văn Thuyên	1952	Xã Xuân Minh huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	2	14	

165.	Bà Nguyễn Thị Lĩnh	1950	Xã Quảng Đông, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	11	0	
166.	Ông Nguyễn Hữu Lương	1954	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	3	8	15	Thương binh
167.	Ông Ngô Sỹ Dũng	1957	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	1	6	0	Tham gia CDHCM
168.	Ông Ngô Văn Cần	1952	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	4	5	22	Thương binh
169.	Ông Trịnh Văn Thanh	1952	Phường Ngọc Trạo,Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	5	0	
170.	Bà Lê Thị Liên	1950	Xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	11	0	
171.	Bà Nguyễn Thị Nhi	1948	Xã Hoằng Trạch, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	6	0	
172.	Bà Lê Thị Bảo	1950	Xã Bắc Lương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	0	0	
173.	Ông Lê Xuân Chiến	1950	Phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	0	22,5	
174.	Ông Đoàn Khả Cách	1947	Xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	6	0	
175.	Bà Lê Thị Quang	1946	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	4	0	
176.	Bà Đàm Thị Liên	1951	Xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	5	0	
177.	Ông Đỗ Viết Cường	1950	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	11	7	
178.	Bà Lê Thị Liên	1952	Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	11	0	
179.	Ông Lê Ngọc Châu	1953	Xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	2	9	22	Thương binh 4/4

180.	Bà Lê Thị Vĩnh	1950	Xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	4	0	
181.	Bà Lương Thị Lan	1948	Xã Hoằng Khánh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	7	0	
182.	Ông Nguyễn Thanh Hải	1947	Xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	1	15	
183.	Ông Bùi Đình Trãi	1947	Xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	9	25	
184.	Ông Nguyễn Duy Kính	1952	Xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	6	7	
185.	Bà Nguyễn Thị Thu	1950	Xã Hoằng Hợp, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Xã Quảng Thành, thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	9	0	
186.	Bà Nguyễn Thị Nhung	1949	Xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	9	22	
187.	Ông Nguyễn Đình Lợi	1956	Xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	1	1	22	Thương binh 4/4
188.	Ông Vũ Mạnh Hùng	1950	Xã Đại Thắng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	7	0	
189.	Bà Ngô Thị Thủy	1951	Xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	9	0	
190.	Bà Trịnh Thị Thủy	1952	Xã Thiệu Lý, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	9	0	
191.	Ông Lê Hoài Thanh	1953	Xã Đông Văn, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	3	0	
192.	Bà Nguyễn Thị Diệp	1945	Xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	3	0	
193.	Ông Nguyễn Hữu Minh	1950	Xã Yên Trung, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	10	0	
194.	Ông Nguyễn Hữu Nam	1954	Xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	7	0	

195.	Bà Nguyễn Thị Thắng	1953	Xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	3	22,5	
196.	Ông Nguyễn Huy Mạy	1950	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	3	0	
197.	Ông Trịnh Thế Chuyên	1949	Xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	9	9	15	Kỷ luật hạ 1 mức
198.	Ông Lê Như Quyết	1950	Xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
199.	Ông Hàn Ngọc Châu	1949	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	3	0	
200.	Ông Nguyễn Thanh Trường	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	0	15	
201.	Ông Hà Quang Sáu	1953	Xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
202.	Ông Lương Quang Khảng	1950	Xã Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	10	0	
203.	Ông Lê Khả Mai	1952	Xã Hoằng Thịnh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Thịnh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	1	15	
204.	Bà Lê Thị Găng	1947	Xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Phụ, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	3	0	
205.	Bà Lê Thị Xâm	1950	Xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Phụ, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	0	15	
206.	Ông Nguyễn Xuân Khiết	1950	Xã Hoằng Phụ, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Phụ, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	0	0	
207.	Ông Thái Văn Lực	1947	Xã Thụ Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Xã Hoằng Trinh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	6	0	
208.	Ông Doãn Trọng Phượng	1950	Xã Hoằng Xuyên, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Xuyên, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	0	15	
209.	Ông Nguyễn Quốc Tĩnh	1946	Xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	4	0	

210.	Bà Đỗ Thị Nhung	1950	Xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	4	0	
211.	Bà Nguyễn Thị Thư	1947	Xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	8	0	
212.	Bà Thiều Thị Liên	1948	Xã Hoằng Thắng, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	7	0	
213.	Bà Tống Thị Sửu	1948	Xã Hoằng Thắng, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Thắng, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	2	0	
214.	Ông Lê Xuân Thành	1947	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	1	15	
215.	Ông Lê Văn Thâu	1947	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	11	0	
216.	Ông Lê Duy Đắc	1949	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	11	0	
217.	Ông Nguyễn Văn Hùng	1945	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	4	15	
218.	Ông Nguyễn Xuân Huy	1951	Xã Hoằng Tiến, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Tiến, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	7	0	
219.	Ông Vũ Ngọc Long	1950	Xã Hoằng Xuyên, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Xuyên, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	1	0	
220.	Ông Trương Đức Cương	1950	Xã Hoằng Phong, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Phong, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	10	0	
221.	Ông Lê Xuân Phoong	1952	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	9	0	
222.	Ông Đỗ Xuân Khởi	1952	Hoằng Long, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Thị trấn Tào Xuyên, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	8	0	
223.	Ông Nguyễn Hữu Thảng	1949	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	5	15	
224.	Ông Nguyễn Xuân Lọc	1946	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	8	0	

225.	Ông Lê Đình Thảo	1942	Xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	6	11	22.5	
226.	Ông Hoàng Sỹ Lâm	1952	Xã Tân khang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Tân khang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	6	5	15	
227.	Ông Nguyễn Duy Lợi	1952	Xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
228.	Ông Hà Hữu Chức	1947	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	5	8	22.5	
229.	Ông Nguyễn Trọng Tri	1948	Xã Trường Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	6	11	22.5	
230.	Ông Nguyễn Xuân Sợi	1947	Xã Tế Nông, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Tế Nông, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	5	10	0	
231.	Ông Nguyễn Văn Thê	1950	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	6	6	22.5	
232.	Ông Đậu Văn Lốc	1947	Xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thăng Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	6	0	22.5	
233.	Bà Cao Thu Hường	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	04	0	
234.	Ông Cao Sỹ Thành	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	04	0	
235.	Ông Lê Đăng Huỳnh	1954	Xã Đông Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	03	0	
236.	Ông Cao Sỹ Toàn	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	05	0	
237.	Ông Nguyễn Hữu Như	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	02	0	
238.	Ông Nguyễn Hữu Giao	1949	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	02	15	
239.	Ông Cao Sỹ Hai	1950	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	10	0	

240.	Ông Lê Như Dậu	1952	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	10	0	
241.	Ông Nguyễn Hữu Quyền	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	5	0	
242.	Ông Nguyễn Đình Hải	1953	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	5	0	
243.	Bà Nguyễn Thị Huyền	1952	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	3	0	
244.	Ông Lê Văn Hồng	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	2	0	
245.	Ông Nguyễn Hữu Ba	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	3	2	0	Thương binh
246.	Ông Nguyễn Hữu Bái	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	03	0	
247.	Ông Đặng Bá Thường	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	1	0	
248.	Ông Nguyễn Linh Nhi	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	6	0	
249.	Ông Trần Đức Xô	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	5	0	
250.	Bà Nguyễn Thị Thuận	1952	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	4	0	
251.	Ông Nguyễn Đức Cảnh	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	10	22,5	
252.	Ông Lữ Trọng Thuyết	1950	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	3	0	
253.	Bà Lê Thị Hiếu	1951	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	6	0	
254.	Ông Nguyễn Mạnh Khả	1947	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	6	0	

255.	Ông Nguyễn Hữu Hải	1947	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7	2	0	
256.	Ông Trịnh Tứ Linh	1954	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	2	0	
257.	Ông Vũ Đình Thu	1952	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	5	15	
258.	Ông Lê Văn Hòa	1950	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	10	0	
259.	Bà Cao Thị Thu	1955	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	3	3	0	Thương binh 4/4
260.	Ông Lê Văn Học	1952	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	3	10	0	Thương binh 2/4
261.	Ông Nguyễn Đức Mỳ	1952	Xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	10	2,5	
262.	Ông: Đặng Quốc Tuấn	1953	Xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hoá,tỉnh Thanh Hoá	3	0	0	TB
263.	Ông: Dương Văn Bốn	1952	Xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	1	15	
264.	Ông: Nguyễn Văn Chuyền	1947	Xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	2	0	
265.	Ông: Lê Văn Trọng	1950	Xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	10	0	
266.	Bà: Trần Thị Chấn	1934	Xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	7	5	
267.	Ông: Nguyễn Khắc Tập	1954	Xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	3	6	0	TB
268.	Ông: Lê Văn Xuyền	1953	Xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	0	0	TB
269.	Bà: Hoàng Thị Thìn	1947	Xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Châu, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	7	0	

270.	Bà Phạm Thị Chương	1949	Xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	3		
271.	Ông: Lê Vinh Sử	1951	Xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	0	0	TB
272.	Ông: Phạm Văn Mầu	1952	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	1	7	
273.	Ông: Lê Khắc Khiêm	1943	Xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	8	3	13	TB
274.	Ông: Nguyễn Văn Tiệp	1947	Xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	6	11	22	
275.	Ông: Nguyễn Văn Lân	1937	Xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	8	0	7	
276.	Ông Nghiêm Duy Lan	1943	Xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5	6	0	TB
277.	Ông Lê Huy Hiệu	1950	Xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	5	6	0	
278.	Ông Dương Văn Hằng	1953	Xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	3	9	22	TB
279.	Ông Lê Quang Hà	1954	Xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	4	4	15	TB
280.	Ông Hoàng Đình Soát	1951	Xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	6	9	0	
281.	Ông Lê Văn Sứ	1949	Xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	7	1	2	
282.	Bà Phạm Thị Sen	1950	Xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	7	01	15	
283.	Ông Trương Văn Lực	1952	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	5	5	5	
284.	Ông Trịnh Hữu Được	1953	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	6	6	0	

285.	Ông Lê Văn Nghi	1928	Xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	6	6	0	
286.	Bà Trịnh Thị Luân	1952	Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	5	2	12	
287.	Ông Mai Thanh Huynh	1947	Xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	5	8	0	
288.	Ông Vũ Ngọc Tám	1954	Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	2	2	7	TB
289.	Ông Hồ Văn Chung	1953	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	1	11	0	TB
290.	Ông Hoàng Trường Sơn	1956	Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá		10	0	TB
291.	Bà Phạm Thị Liên	1945	Xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	9	9	15	
292.	Ông Nguyễn Xuân Túc	1943	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	7	1	0	
293.	Ông Nguyễn Văn Thanh	1953	Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Khu II, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa	3	7	22,5	TB
294.	Ông Lê Doãn Cữu	1941	Xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	7	4	0	HMkhen
295.	Ông Lê Trương Nhân	1950	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	1	15	
296.	Ông Trần Thanh Bút	1948	Xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	6	0	
297.	Ông Nguyễn Văn An	1949	Xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	11	0	
298.	Bà Nguyễn Thị Ngặn	1949	Xã Hùng Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hùng Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	7	5	0	
299.	Ông Nguyễn Hữu Chinh	1950	Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	6	0	

300.	Bà Nguyễn Thị Mành	1952	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	6	0	
301.	Ông Lê Trọng Thăng	1954	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	0	0	
302.	Bà Nguyễn Thị Lan	1950	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	5	8	0	
303.	Bà Mai Thị Tâm	1949	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	5	2	0	
304.	Ông Nguyễn Đức Phú	1937	Xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	9	10	0	Hạ mức khen
305.	Bà Bùi Thị Vinh	1948	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	5	3	0	
306.	Ông Nguyễn Hồng Phong	1954	Xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	
307.	Ông Hồ Viết Sự	1953	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	5	1	0	
308.	Ông Nguyễn Hữu Sơn	1951	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	3	20	
309.	Bà Phạm Thị Thỏa	1949	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	5	6	0	
310.	Ông Lê Ngọc Đức	1953	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	5	7	0	
311.	Bà Trần Thị Chưu	1937	Xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	10	23	
312.	Ông Nguyễn Bá Minh	1950	Xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	5	8	17	
313.	Ông Phạm Văn Thìn	1950	Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	10	15	
314.	Bà Lê Thị Ninh	1950	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	0	0	

315.	Bà Nguyễn Thị Kết	1952	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
316.	Bà Lê Thị Lợi	1952	Xã Cát Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	5	7	0	
317.	Bà Hồ Thị Tòa	1954	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	5	6	0	
318.	Ông Đào Duy Hồng	1950	Xã Quảng Lĩnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	5	3	0	
319.	Ông Chu Văn Thắng	1953	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	6	15	
320.	Ông Lê Thọ Len	1952	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	5	0	
321.	Ông Trần Hữu Báo	1953	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	6	6	15	
322.	Ông Lê Văn Suy	1954	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	5	11	25	
323.	Ông Nguyễn Minh Đát	1951	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	7	7	0	
324.	Ông Lê Văn Lương	1952	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	7	10	0	
325.	Ông Lữ Văn Chung	1935	Xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	6	1	22	
326.	Ông Cầm Xuâm Liêm	1939	Xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	1	7	
327.	Ông Bùi Đình Nhàn	1954	Xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	
328.	Ông Bùi Đức Dục	1954	Xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	

329.	Ông Hà Đình Sơn	1951	Xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	5	0	
330.	Bà Lê Thị Thư	1950	Xã Phú Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	
331.	Bà Vũ Thị Lý	1954	Xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	
332.	Ông Vi Văn Dương	1950	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	6	5	15	
333.	Ông Cầm Bá Nghiêm	1951	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	6	5	15	
334.	Ông Cầm Bá Pót	1936	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	5	0	
335.	Ông Cầm Bá Ngoan	1953	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	2	15	
336.	Ông Cầm Thanh Sơn	1952	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	6	5	15	
337.	Ông Lê Văn Khánh	1948	Xã Thiệu Dô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	3	22,5	
338.	Ông Cầm Bá Thanh	1953	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	2	15	
339.	Ông Lò Văn Lưu	1945	Xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	9	8	7,5	Hạ mức 1 khen
340.	Ông Đỗ Ngọc Hai	1948	Xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	5	10	0	
341.	Ông Lê Ngọc Quế	1952	Xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	0	8	22,5	TB

342.	Ông Lữ Văn Thư	1940	Xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	6	6	22	
343.	Ông Hà Đình Hoa	1950	Xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	3	6	0	TB
344.	Ông Lê Trọng Hách	1910	Xã Hoằng Trung, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	6	5	0	
345.	Ông Trần Văn Đướng	1923	Phố Lam Sơn, thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	7	0	0	
346.	Ông Lê Văn Cân	1937	Xã Hoằng Yến, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thạch Định, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	6	6	0	
347.	Ông Đinh Minh Biệt	1954	Xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	0	9	0	TB
348.	Ông Đỗ Đình Hợp	1954	Xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thành Trực, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	0	2	0	TB
349.	Ông Lê Văn Lực	1945	Xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	5	6	7,5	
350.	Ông Tào Văn Đoan	1946	Xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	
351.	Bà Hoàng Thị Thinh	1947	Xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	
352.	Ông Lê Anh Đợi	1950	Xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	5	8	0	
353.	Bà Bùi Thị Chuộn	1951	Xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	5	1	7,5	
354.	Ông Đinh Văn Đồng	1955	Xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	1	6	0	TB
355.	Ông Cao Xuân Thành	1951	Xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	4	11	0	Châm chước

356.	Bà Nguyễn Thị Loan	1952	Xã Thiệu Tâm1, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	
357.	Ông Hà Quang Bình	1950	Xã Minh Châu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Châu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
358.	Ông Trần Xuân Nhích	1945	Xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	8	0	
359.	Ông Lê Xuân Bình	1950	Xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	3	22	
360.	Ông Lê Mạnh Thắng	1949	Xã Xuân Thịnh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Thịnh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
361.	Bà Trần Thị Lệ	1948	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	10	0	
362.	Ông Lục Đình Thành	1954	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2	3	15	TG CDHCM
363.	Ông Lê Xuân Quý	1946	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	1	22	
364.	Ông Nguyễn Duy Hay	1954	Xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2	5	0	TG CDHCM
365.	Ông Lưu Tiến Điều	1945	Xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	7	0	
366.	Ông Trịnh Ngọc Thọ	1945	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	10	0	
367.	Ông Nguyễn Tất Trường	1953	Xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	3	3	0	TG CDHCM

368.	Ông Nguyễn Hữu Rề	1930	Xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	6	0	TB
369.	Bà Lê Thị Tiến	1948	Xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	6	0	
370.	Ông Đỗ Đình Cát	1935	Xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	
371.	Bà Dương Thị Yên	1946	Xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	3	0	
372.	Bà Vũ Thị Thảo	1949	Xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	3	0	
373.	Ông Nguyễn Xuân Xếp	1953	Xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2	1	0	TG CDHCM
374.	Ông Lê Thanh Tân	1948	Xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	3	22	
375.	Bà Nguyễn Thị Luật	1947	Xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	2	0	
376.	Ông Nguyễn Văn Xưa	1932	Xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
377.	Ông Hà Quang Khanh	1955	Xã Minh Châu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2	6	0	TG CDHCM
378.	Bà Lê Thị Bốn	1949	Xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	8	0	
379.	Ông Trịnh Văn Tiến	1950	Xã Minh Châu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	4	15	
380.	Ông Vũ Trọng Thơi	1950	Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	5	0	

381.	Ông Lê Đình Hùng	1948	Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5	5	0	
382.	Bà Hoàng Thị Hường	1952	Xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Châu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
383.	Lê Xuân Độ	1950	Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	4	15	
384.	Bà Phạm Thị Thiện	1947	Xã An Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	6	8	0	
385.	Ông Phạm Văn Sửu	1949	Xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8	7	15	
386.	Ông Quách Văn Đo	1952	Xã Phú Nhuận, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	Xã Phú Nhuận, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	
387.	Ông Quách Văn Chức	1942	Xã Cán Khê, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	Xã Cán Khê, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	6	4	0	
388.	Ông Nguyễn Hữu Trung	1950	Xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	5	4	15	
389.	Nguyễn Văn Vôn	1929	Xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	6	5	2	
390.	Bà Đinh Thị Hồng	1952	Xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Xã Cán Khê, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	6	3	0	
391.	Ông Nguyễn Sỹ Ban	1947	Xã Thăng Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Vân, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	6	3	0	
392.	Ông Cao Xuân Nguyên	1949	Xã Hoằng Phụ, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	6	6	0	
393.	Ông La Văn Mạch	1952	Thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	
394.	Ông Trịnh Văn Sướng	1946	Xã Lộc Sơn, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Lộc Sơn, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	4	0	22,5	TG CD HCM
395.	Ông Vũ Văn Hiển	1952	Xã Quang Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Quang Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	5	3	0	TG CDHCM

396.	Ông Vũ Hồng Thắm	1953	Xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	0	3	0	TB
397.	Ông Phạm Khắc Chi	1964	Xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	0	10	0	TB
398.	Ông Mai Xuân Sinh	1950	Xã Quang Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Quang Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	6	9	0	
399.	Ông Ngô Viết Xuân	1953	Xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	5	5	0	TB
400.	Ông Trịnh Quốc Khanh		Xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	5	7	15	
401.	Ông Bà Nguyễn Thị Oanh	1944	Xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	5	3	0	
402.	Ông Đào Huy Thăng	1949	Xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	5	5	0	
403.	Ông Hoàng Xuân Hồng	1953	Thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	6	7	0	
404.	Ông Phạm Văn Lợi	1953	Xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	0	9	0	TB
405.	Ông Vũ Quang Vinh	1949	Xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	7	10	0	
406.	Ông Hoàng Văn Lân	1951	Xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	5	10	15	
407.	Ông Nguyễn Đức Phiên	1953	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	6	6	0	
408.	Ông Mai Ánh Sáng	1950	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	6	1	0	
409.	Bà Trần Thị Hiền	1949	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	5	5	0	
410.	Ông Lê Văn Hùng	1952	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	5	0	0	

411.	Ông Vũ Huy Đăng	1956	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	0	3	15	TB
412.	Ông Mai Xuân Phương	1948	Xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	5	6	0	
413.	Ông Nguyễn Văn Quang	1950	Xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	6	0	0	TB
414.	Bà Phạm Thị Thơ	1950	Xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	6	9	0	
415.	Bà Vũ Thị Mạn	1942	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	6	10	0	
416.	Ông Vũ Đức Khang	1948	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	6	11	0	
417.	Ông Cầm Bá Hòa	1940	Xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	9	10	0	